

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Thời kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09 - 11
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	12 - 13
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 45

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thời kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho thời kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty cổ phần Bảo Hiểm Viễn Đông, tên tiếng anh là Vien Dong Assurance Corporation (tên viết tắt là VASS) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 07/11/2003 và đăng ký thay đổi lần 23 ngày 05/06/2020. Thời gian hoạt động: 50 năm.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần đại chúng lớn.

Hoạt động chính của Công ty:

Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh: **Kinh doanh bảo hiểm gốc:** Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm con người; Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm con người; Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm cháy nổ; Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; Bảo hiểm trách nhiệm chung; Bảo hiểm rủi ro tài chính; Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh; Bảo hiểm nông nghiệp. **Kinh doanh tái bảo hiểm:** Nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ. Các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính: 19 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM.

Công ty có trụ sở chính tại Tp. HCM, 26 chi nhánh và 29 đơn vị kinh doanh/văn phòng dịch vụ khách hàng trên toàn quốc.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Minh Đức	Chủ tịch	30/06/2014
Bà Trương Ngô Sen	Phó Chủ tịch	14/05/2015
Bà Phạm Phương Chi	Thành viên	14/05/2015
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên	21/06/2019
Ông Lương Hồng Tháp	Thành viên	21/06/2019

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thời kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Ban Kiểm soát

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Đức Hoài	Trưởng ban	21/06/2019
Ông Đinh Hiếu Thuận	Thành viên	21/06/2019
Bà Đặng Thị Phương	Thành viên	21/06/2019

Ban Tổng Giám đốc

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Diệp Đại Khoa	Tổng Giám Đốc	12/09/2014
Ông Huỳnh Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2021
Bà Lê Quỳnh Trang	Phó Tổng Giám đốc	10/03/2017
Ông Tạ Văn Kim	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2015
Ông Lương Hồng Tháp	Phó Tổng Giám đốc	14/05/2015

Kế toán trưởng

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	01/01/2018

Người đại diện theo pháp luật

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Diệp Đại Khoa	Tổng Giám Đốc	12/09/2014

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho thời kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021.

5. Cam kết của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của thời kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán đã đăng ký được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thời kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp.HCM, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trương Ngô Sen



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited
Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

5130
ÔNG
TNH
M TOA
VU TI
ANH
CHI
PH

Số: A1021432-SXR/AISC-DN4 **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi:

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông, được lập ngày 28 tháng 10 năm 2021, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp.HCM, ngày 28 tháng 10 năm 2021
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Vinh

Số ĐKHNKT: 0112-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		663.279.668.880	749.711.315.014
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	21.861.494.966	205.168.356.482
1. Tiền	111		21.861.494.966	15.168.356.482
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	190.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02.1	135.699.163.227	87.608.592.849
1. Đầu tư ngắn hạn	121		138.003.916.096	89.883.916.096
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.304.752.869)	(2.275.323.247)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		270.467.000.882	157.145.796.633
1. Phải thu của khách hàng	131	V.03a	106.916.531.927	99.316.477.844
2. Trả trước cho người bán	132	V.03b	427.928.867	585.445.902
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	V.04	194.481.100.919	80.691.018.924
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.03a-04	(31.358.560.831)	(23.447.146.037)
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	506.477.207	528.495.269
1. Hàng tồn kho	141		506.477.207	528.495.269
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.479.708.989	49.063.689.402
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	46.210.363.844	49.063.689.402
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		45.500.925.828	48.082.218.509
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		709.438.016	981.470.893
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.269.345.145	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
VIII Tài sản tái bảo hiểm	190	V.07	187.265.823.609	250.196.384.379
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		169.059.833.700	235.056.196.932
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		18.205.989.909	15.140.187.447

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		648.100.402.096	605.977.110.142
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26.989.514.939	31.200.249.221
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03a	84.648.685.636	84.648.685.636
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.04	1.594.909.248	1.573.209.248
4.1. Ký quỹ, ký cược	218.1		1.594.909.248	1.573.209.248
4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.03a	(59.254.079.945)	(55.021.645.663)
II. Tài sản cố định	220		392.146.338.427	394.813.536.119
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	244.493.274.914	248.044.786.119
- Nguyên giá	222		267.056.948.613	267.398.370.431
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.563.673.699)	(19.353.584.312)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	147.653.063.513	146.768.750.000
- Nguyên giá	228		152.598.150.000	150.428.150.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.945.086.487)	(3.659.400.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.2	228.714.706.945	179.694.706.945
1. Đầu tư vào công ty con	251		75.555.000.000	72.405.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	253		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		222.294.423.358	176.424.423.358
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(69.134.716.413)	(69.134.716.413)
V. Tài sản dài hạn khác	260		249.841.785	268.617.857
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	249.841.785	268.617.857
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.311.380.070.976	1.355.688.425.156

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		931.866.003.320	1.011.926.270.035
I. Nợ ngắn hạn	310		834.624.623.996	914.246.397.711
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	4.827.586.204	12.579.188.452
2. Phải trả cho người bán	312	V.11	93.756.691.246	85.228.475.072
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		63.258.274.225	56.947.481.789
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		30.498.417.021	28.280.993.283
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	2.544.799.354	1.697.330.938
5. Phải trả người lao động	315	V.13	9.121.077.127	12.784.175.623
6. Chi phí phải trả	316	V.14	-	19.961.988
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	52.626.047.910	51.527.117.717
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	V.16	16.543.270.210	13.729.891.730
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
13. Dự phòng nghiệp vụ	329	V.17	655.205.151.945	736.680.256.191
13.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		345.133.080.596	439.252.155.569
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		82.694.747.694	76.347.809.196
13.2. Dự phòng dao động lớn	329.3		227.377.323.655	221.080.291.426
II. Nợ dài hạn	330		97.241.379.324	97.679.872.324
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.10	97.241.379.324	97.241.379.324
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.18	-	438.493.000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

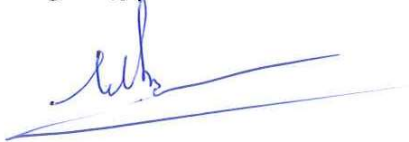
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		379.514.067.656	343.762.155.121
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	379.514.067.656	343.762.155.121
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(102.600.000)	(102.600.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		2.371.872.054	2.371.872.054
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(322.755.204.398)	(358.507.116.933)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước</i>	<i>421.1</i>		<i>(358.507.116.933)</i>	<i>(393.940.633.208)</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421.2</i>		<i>35.751.912.535</i>	<i>35.433.516.275</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.311.380.070.976	1.355.688.425.156

Tp.HCM, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Đặng Diệp Đại Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thời kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		671.502.459.123	969.943.834.756
2. Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	11		-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.06	7.652.065.976	8.589.079.195
4. Thu nhập khác	13	VI.09	352.757.691	2.330.469.166
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20		432.349.828.108	629.156.927.172
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.07	4.721.318.907	9.440.698.529
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	VI.08	205.954.392.629	299.227.646.253
9. Chi phí khác	24	VI.10	729.830.611	996.191.139
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50		35.751.912.535	42.041.920.024
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	-	-
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		35.751.912.535	42.041.920.024
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	511	796
15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	80	VI.13	511	796

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thời kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=1.1+1.2-1.3)	01	VI.01	756.694.926.335	949.433.281.591
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		662.204.460.937	918.736.190.539
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		371.390.425	(439.227.331)
- Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(94.119.074.973)	(31.136.318.383)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02.1-02.2)	02	VI.02	98.868.991.694	5.116.492.334
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		32.872.628.462	56.577.968.909
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(65.996.363.232)	51.461.476.575
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		657.825.934.641	944.316.789.257
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04	VI.03	13.676.524.482	25.627.045.499
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		13.676.524.482	25.627.045.499
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		-	-
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		671.502.459.123	969.943.834.756
6. Chi phí bồi thường	11		41.280.017.959	45.111.865.711
Trong đó:				
- Tổng chi bồi thường	11.1		41.280.017.959	45.111.865.711
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		-	-
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		10.538.091.601	17.531.719.271
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		6.346.938.498	(16.268.810.581)
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		3.065.802.462	(1.236.805.986)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15	VI.04	34.023.062.394	12.548.141.845
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16	V.19	6.297.032.229	8.617.189.943
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	VI.05	392.029.733.485	607.991.595.384
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		116.658.108.067	202.954.472.685
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		275.371.625.418	405.037.122.699
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		432.349.828.108	629.156.927.172
14. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		239.152.631.015	340.786.907.584

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thời kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		-	-
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		-	-
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=20-21)	22		-	-
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.06	7.652.065.976	8.589.079.195
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.07	4.721.318.907	9.440.698.529
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		2.930.747.069	(851.619.334)
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	205.954.392.629	299.227.646.253
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	30		36.128.985.455	40.707.641.997
23. Thu nhập khác	31	VI.09	352.757.691	2.330.469.166
24. Chi phí khác	32	VI.10	729.830.611	996.191.139
25. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(377.072.920)	1.334.278.027
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		35.751.912.535	42.041.920.024
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	-	-
28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		35.751.912.535	42.041.920.024
30. Lãi trên cổ phiếu	70	VI.12	511	796
31. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	80	VI.13	511	796

Tp.HCM, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Lê Thị Thanh Loan

Nguyễn Thị Thu Hà



Đặng Diệp Đại Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Thời kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.751.912.535	42.041.920.024
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8.9	4.837.197.692	3.843.201.934
- Các khoản dự phòng	03		12.173.278.698	783.301.660
- Các khoản dự phòng nghiệp vụ			(18.544.543.476)	(89.012.609.610)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(7.259.707)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.6.10	(7.779.565.976)	(8.237.614.957)
- Chi phí lãi vay	06	VI.7	4.691.889.285	8.696.435.618
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.130.168.758	(41.892.625.038)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(116.997.502.482)	(3.609.197.119)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		22.018.062	180.118.852
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		9.166.439.779	(177.823.971.322)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		2.872.101.630	32.352.046.287
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.7	(4.691.889.285)	(8.696.435.618)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(78.498.663.538)	(199.490.063.958)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	V.9	(2.170.000.000)	(18.000.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	VI.10	127.500.000	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		(348.430.000.000)	(94.120.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		254.440.000.000	94.909.020.000
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(3.150.000.000)	(1.450.000.000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		2.125.904.270	8.578.594.957
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(97.056.595.730)	(9.982.385.043)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Thời kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	200.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1	11.971.891.189	218.037.017.629
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(19.723.493.437)	(202.174.948.661)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.751.602.248)	215.862.068.968
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		(183.306.861.516)	6.389.619.967
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		205.168.356.482	70.413.606.480
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	7.259.707
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.01	21.861.494.966	76.810.486.154

Tp.HCM, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hà



Tổng Giám đốc



Đặng Diệp Đại Khoa